

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 20/11/2023 - 24/11/2023

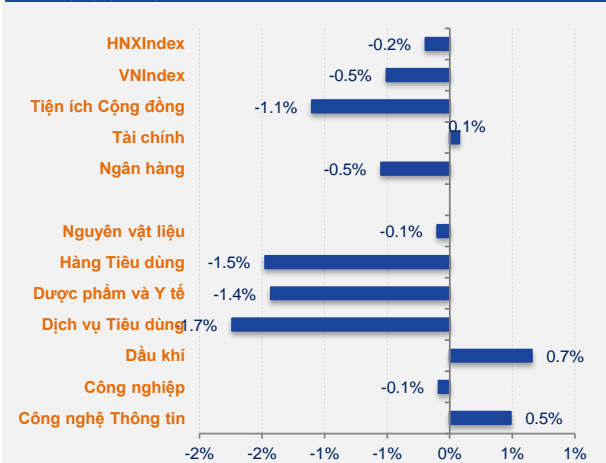
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

| Index Tuần | HOSE | +/- | HNX | +/- |
|----------------------------|-------------|-------|-------------|-------|
| Thống kê thị trường | | | | |
| Index | 1,095.61 ↓ | -0.5% | 226.10 ↓ | -0.2% |
| KLGD (trCP) | 4,185.50 ↑ | 1.6% | 563.14 ↓ | -4.1% |
| GTGD (tỷ VND) | 91,848.25 ↑ | 0.2% | 11,168.45 ↓ | -1.4% |
| Tổng cung (trCP) | 9,002.66 ↓ | -4.9% | 881.31 ↓ | -0.3% |
| Tổng cầu (trCP) | 9,142.91 ↑ | 3.8% | 777.75 ↓ | -0.7% |

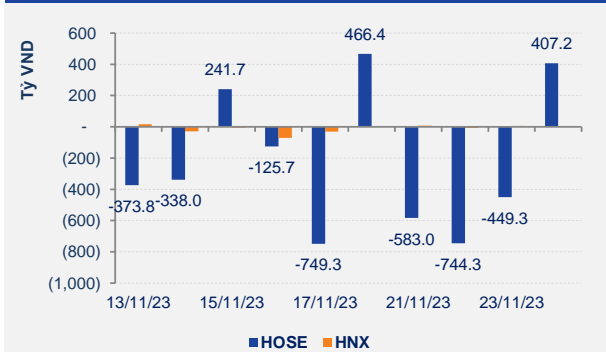
Giao dịch NĐT nước ngoài

| | | | | |
|-----------------|------------|--------|---------|--------|
| KL mua (trCP) | 177.66 ↓ | -7.5% | 2.35 ↓ | -35.6% |
| KL bán (trCP) | 217.41 ↓ | -7.3% | 2.60 ↓ | -72.1% |
| GT mua (tỷ VND) | 5,212.49 ↓ | -8.3% | 61.22 ↓ | -37.1% |
| GT bán (tỷ VND) | 6,115.39 ↓ | -13.0% | 56.54 ↓ | -73.7% |

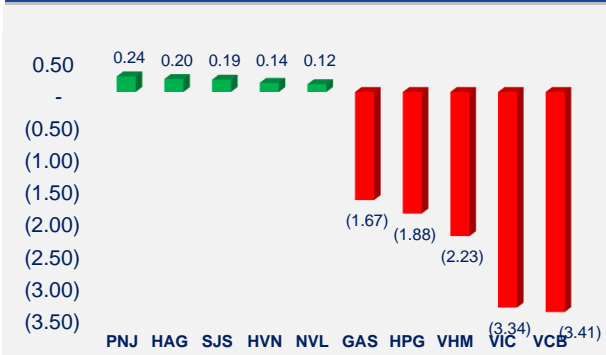
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm mạnh cuối tuần trước, VN-INDEX tiếp tục trải qua tuần giao dịch biến động mạnh khi đầu tuần phục hồi từ vùng giá 1.085 điểm và tăng lên vùng kháng cự 1.115 điểm -1.120 điểm tương ứng vùng giá trung bình MA200 phiên. Sau đó VN-INDEX chịu áp lực bán mạnh đột biến với thanh khoản gia tăng mạnh điều chỉnh về vùng giá quanh 1.075 điểm tương ứng vùng giá thấp ngất ngày 20/10/2023 và bắt đầu hồi phục trở lại. Kết thúc tuần biến động mạnh VN-INDEX ở mức 1.095,61 điểm, giảm -0,51% so với tuần trước với thanh khoản trung bình duy trì ở mức cao, qua đó VN-INDEX chưa thể vượt lên vùng kháng cự tâm lý 1.100 điểm. HNX-INDEX kết thúc tuần giảm nhẹ 0,19% về mức 226,10 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 91,841,35 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,2% so với tuần trước, khối lượng giao dịch tăng 16%. Thanh khoản HNX giảm 1,4% với 11.168,45 tỷ đồng được giao dịch. Thanh khoản vẫn đang duy trì ở mức cao, trên trung bình trong 03 tuần liên tiếp, cho thấy dòng tiền ngắn hạn vẫn đang duy trì tốt trong thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng khá mạnh trong tuần với giá trị 902,24 tỷ đồng trên HOSE, trong đó bán ròng khá mạnh cổ phiếu ngân hàng VPB, mua ròng trên HNX với giá trị 4,68 tỷ đồng

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như: Ngày 15/11/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 69/2023/TT-BTC theo đó sẽ không tiếp nhận niêm yết cổ phiếu mới trên sàn HNX từ ngày 1/7/2025 và chậm nhất đến hết năm 2026 sẽ hoàn thành việc chuyển toàn bộ cổ phiếu từ sàn HNX lên sàn HOSE; Sáng ngày 22/11/2023, Quốc hội đã thống nhất chưa thông qua dự án Luật Đất đai (sửa đổi) tại kỳ họp này mà sẽ xem xét, thông qua tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội;

Các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến kém tích cực nhất trong tuần qua khi hầu hết giảm điểm, thanh khoản thấp, không thu hút dòng tiền tham gia như STB (-3,58%), TCB (-3,53%), ACB (-2,86%), SGB (-2,26%), SHB (-2,23%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ với BID (+1,75%), EIB (+0,54%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có 02 phiên giao dịch biến động mạnh cuối tuần, tuy nhiên kết thúc tuần đa số vẫn tăng giá tốt so với tuần trước, thanh khoản tăng mạnh với BSI (+8,83%), VDS (+5,96%), CTS (+5,81%), VND (+5,19%), MBS (+4,37%)... ngoài VFS (-9,62%) giảm mạnh. Các cổ phiếu bất động sản cũng có tuần giao dịch biến động mạnh, thanh khoản gia tăng đột biến, tuy nhiên kết thúc tuần đa số giảm điểm như QCG (-7,47%), ITC (-5,12%), LGL (-3,33%), TDH (-2,89), PHR (-2,49%)... ngoài các mã vẫn tăng giá như L14 (+10,43%), NVL (+9,32%), NTL (+8,00%), SJS (+4,60%)... thanh khoản vượt mức trung bình.

Các nhóm ngành khác không có nhiều diễn biến nổi bật trong tuần, kết thúc tuần đa số biến động trong biên độ hẹp, duy trì quá trình tích lũy với thanh khoản cải thiện khá tốt.

Trên thị trường phái sinh kết thúc tuần kỳ hạn VN30F2312 ở mức 1.084,9 điểm giảm -1,82% so với tuần trước, chênh lệch âm -2,44 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch duy trì ở mức cao khi các vị thế đầu cơ trong phiên gia tăng mạnh khi thị trường biến động. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -6,54 điểm đến -9,44 điểm, mức chênh lệch gia tăng, cho thấy các trader nghiên về khả năng điều chỉnh của VN30, phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 20/11/2023 - 24/11/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần vừa qua Vn-Index giảm điểm sau tín hiệu chứng lại trong tuần trước và vẫn đang trong quá trình kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm, chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.095,61 điểm (-5,58 điểm, -0,51%). Mặc dù Vn-Index chốt tuần vẫn nằm dưới ngưỡng 1.100 điểm nhưng vận động tích cực trong phiên cuối tuần đem lại kỳ vọng thị trường tiếp tục phục hồi. Thị trường vẫn đang trong nhịp hồi phục đầu tiên và vận động lỏng lẻo do đó sẽ cần nhiều thời gian để tìm đến khu vực cân bằng cho quá trình tích lũy. Chúng tôi kỳ vọng nếu Vn-Index sớm lấy lại mốc 1.100 điểm trong các phiên tới thì nền tích lũy sẽ hình thành trên 1.100 điểm, phiên cuối tuần Vn-Index có nỗ lực hồi phục tốt nên khả năng VnIndex vượt lên 1.100 trong tuần tới là khá cao.

Về tình hình vĩ mô, kinh tế 2 tháng cuối năm được dự báo sẽ sôi động khi các dự án đầu tư công sẽ tiếp tục được quyết liệt giải ngân, tín dụng cũng sẽ cải thiện hơn. Tuy vậy tình hình địa chính trị thế giới vẫn tồn tại nhiều bất ổn, diễn biến giá năng lượng khó lường khi mùa đông tới gần. Bên cạnh đó thị trường bất động sản và trái phiếu chưa thể sớm phục hồi. Với tình trạng vĩ mô hiện tại nếu thị trường tìm đến điểm cân bằng và tạo nền tích lũy chờ động thái chuyển động vĩ mô tiếp theo cũng là vận động phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang vận động lỏng lẻo nhưng vẫn còn động lực tăng điểm do đây là nhịp hồi đầu tiên sau giai đoạn giảm mạnh nên động lực hồi phục ngắn hạn thường lớn, VnIndex đang test lại hỗ trợ 1.100 điểm và nếu thành công thì nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân vào các mã thu hút dòng tiền nhưng với quan điểm thận trọng bởi nhịp hồi phục kỹ thuật có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Trong trung, dài hạn thị trường dù mất xu hướng uptrend nhưng sẽ đi tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại nên rủi ro trung dài hạn không cao. Thị trường đã thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy cũ nhưng mặt bằng giá vẫn đang ở vùng hấp dẫn do đó nhà đầu tư trung hạn vẫn có thể gia tăng tỷ trọng, hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 20/11/2023 - 24/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| | | | | | P/E | T.trưởng Doanh thu | T.trưởng Lợi nhuận | |
| PVS | 37.00 | 34-35 | 39 | 33 | 20.0 | 19.2% | -26.6% | Theo dõi giải ngân |
| BFC | 23.20 | 19.5-21 | 26-27 | 18 | 10.3 | 18.5% | 1227.6% | Theo dõi giải ngân |
| VGC | 52.00 | 49-51 | 60-62 | 48 | 16.9 | 8.1% | 86.6% | Theo dõi giải ngân |
| PVD | 27.00 | 26.5-27.5 | 30-31 | 25 | 34.6 | 11.2% | 546.3% | Theo dõi giải ngân |
| PVP | 13.65 | 13-14 | 17.5-18.5 | 12 | 7.5 | 75.4% | -68.3% | Theo dõi giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 11/1/2023 | BVS | 25.10 | 22.3 | 28-28.5 | 25 | 12.6% | Nắm giữ |
| 11/1/2023 | DTD | 23.20 | 18.6 | 26-27 | 22 | 24.7% | Nắm giữ |
| 11/8/2023 | PVT | 25.20 | 24.45 | 30-31 | 25 | 3.1% | Nắm giữ |
| 11/8/2023 | PHR | 46.45 | 45.1 | 52-53 | 46 | 3.0% | Nắm giữ |
| 22/8/2023 | LSS | 11.25 | 11.4 | 15-16 | 11 | -1.3% | Nắm giữ |

TIN VĨ MÔ

Lương tối thiểu được đề xuất tăng hơn 25% trong 5 năm qua

Trong 5 năm qua, tổ chức công đoàn đã đề xuất nâng mức lương tối thiểu vùng tăng 25,34%, góp phần cải thiện đời sống của người lao động... Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho biết, Công đoàn Việt Nam đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực, cụ thể để bảo vệ quyền và lợi ích của đoàn viên, người lao động. Đáng chú ý, trong 5 năm qua Công đoàn Việt Nam đã đề xuất nâng mức lương tối thiểu vùng tăng 25,34%. Cùng với đó, hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể được tăng cường, có nhiều đổi mới. Trong nhiệm kỳ đã ký mới 15.832 bản thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, nâng tổng số thỏa ước lao động tập thể đã ký kết lên 42.550 bản.

Năm 2024, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6 - 6,5%, kiểm soát lạm phát dưới 4,5%

Quốc hội vừa ban hành Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó có 15 chỉ tiêu cụ thể như: Tăng trưởng GDP 6 - 6,5%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 - 4.730 đô la Mỹ (USD); tốc độ tăng CPI từ 4 - 4,5%... Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 80 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 23/11/2023, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Bùi Văn Cường công bố Nghị quyết số 103 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, được thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Nghị quyết nêu rõ, năm 2024 Việt Nam tiếp tục ưu tiên tăng trưởng gắn với củng cố, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Nửa đầu tháng 11/2023, xuất khẩu giảm 14,7% so với nửa cuối tháng 10

Số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 11/2023 (từ ngày 1 - 15/11) đạt 29,43 tỷ USD, giảm 14,7% so với kết quả nửa cuối tháng 10/2023. Lũy kế đến hết ngày 15/11, tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đạt 587,68 tỷ USD, giảm 9%, tương ứng giảm 58,27 tỷ USD về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 404,03 tỷ USD, giảm 10%, tương ứng giảm 44,78 tỷ USD. Trong kỳ 1 tháng 11/2023, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 118 triệu USD và lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/11 thặng dư 24,44 tỷ USD.

Quốc hội thông qua Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Chiều 24/11, với đa số đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Kết quả biểu quyết điện tử cho thấy, có 470 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành (chiếm tỷ lệ 95,14%). Như vậy, với đa số đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Trước khi tiến hành biểu quyết, Quốc hội nghe Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội Lê Tấn Tới trình bày Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

TIN DOANH NGHIỆP**C47 sắp triển khai dự án thủy điện tại Lào gần 185 triệu USD**

Liên danh gồm C47 (đứng đầu) và TV3 đã ký kết hợp đồng EPC dự án thủy điện Nam Neun 1 với đơn vị giao thầu PGC đến từ Lào. Giá trị hợp đồng gần 185 triệu USD và dự kiến hoàn thành nối lưới điện vào quý 4/2027 và xuất khẩu điện về Việt Nam. Ngày 22/11, tại Thủ đô Viêng Chăn, Lào, CTCP Xây dựng 47 (CC47, HOSE: C47), cũng là thành viên đứng đầu liên danh bao gồm C47 và CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 3 (HNX: TV3), đã ký kết với đơn vị giao thầu Phongsubthavy Group Sole Co.,. Ltd (PGC) hợp đồng thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công và thi công xây dựng công trình (EPC) dự án nhà máy thủy điện Nam Neun 1.

Thế Giới Di Động sẽ đóng khoảng 200 cửa hàng trong quý IV

Thế Giới Di Động cho biết sẽ tích cực triển khai hoạt động tái cấu trúc trong quý IV để tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và chủ động thích ứng trước bối cảnh kinh doanh mới với nhiều thách thức và biến động. CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (Mã: MWG) đã công bố kết quả kinh doanh tháng 10 với doanh thu là 11.190 tỷ đồng, tương đương với kết quả công bố tại buổi họp nhà đầu tư trước đó và ghi nhận tháng đầu tiên trong năm tăng trưởng dương. Như đã thông tin trong cuộc họp cập nhật kết quả kinh doanh quý III, công ty sẽ tích cực triển khai hoạt động tái cấu trúc trong quý IV để tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và chủ động thích ứng trước bối cảnh kinh doanh mới với nhiều thách thức và biến động.

Novaland bảo lãnh khoản vay 3.600 tỷ để phát triển dự án Aqua Waterfront City

Khu đô thị Aqua Waterfront City (Đồng Nai) do Bất động sản Đà Lạt Valley làm chủ đầu tư. Đây là dự án thành phần nằm trong tổng thể đại đô thị Aqua City do Novaland đang phát triển. HĐQT CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, Mã: NVL) đã thông qua việc sử dụng toàn bộ phần vốn góp 2.000 tỷ đồng của công ty (tương ứng tỷ lệ sở hữu 72,62%) tại Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley để đảm bảo nghĩa vụ của công ty con này đối với khoản vay 3.600 tỷ đồng ở Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).

Vicostone sắp tạm ứng cổ tức đợt 2/2023 tỷ lệ 20% tiền mặt

Trước đó Vicostone đã hoàn thành đợt chi 320 tỷ đồng trả cổ tức đợt 1 cho cổ đông cũng với 2.000 đồng/cp vào tháng 6. Hội đồng quản trị (HĐQT) CTCP Vicostone (Mã: VCS) vừa thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu nhận được 2.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là 4/12, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 1/12. Với 160 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Vicostone cần chi 320 tỷ đồng trả cổ tức đợt này. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 14/12. Trong đó, CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A sẽ nhận về khoảng 269 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu 84,15% vốn điều lệ.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|----------|--------------|
| 1 | VND | 7,775,720 | VPB | (34,942,911) |
| 2 | SSI | 5,406,336 | FUESSVFL | (11,341,300) |
| 3 | FUEVFNVD | 4,590,884 | VRE | (9,964,151) |
| 4 | STB | 4,588,600 | VHM | (8,393,065) |
| 5 | NKG | 4,310,520 | POW | (4,875,920) |

HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SHS | 293,130 | CEO | (2,175,212) |
| 2 | IDC | 222,311 | PVS | (1,262,100) |
| 3 | EVS | 90,000 | TIG | (448,500) |
| 4 | MBS | 80,045 | TNG | (285,545) |
| 5 | MBG | 45,125 | HUT | (123,000) |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-------------|
| NVL | 16.25 | 17.60 | ↑ 8.31% | 246,110,736 |
| VIX | 16.35 | 16.60 | ↑ 1.53% | 242,334,868 |
| DIG | 24.85 | 25.00 | ↑ 0.60% | 162,495,390 |
| VND | 20.50 | 21.30 | ↑ 3.90% | 155,783,185 |
| HAG | 8.98 | 10.40 | ↑ 15.81% | 145,458,264 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-------------|
| SHS | 17.70 | 17.80 | ↑ 0.56% | 190,811,725 |
| CEO | 22.60 | 22.40 | ↓ -0.88% | 150,084,551 |
| HUT | 20.10 | 20.00 | ↓ -0.50% | 33,836,588 |
| PVS | 36.90 | 37.00 | ↑ 0.27% | 30,282,855 |
| MBS | 21.10 | 21.50 | ↑ 1.90% | 28,069,597 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| CLW | 31.85 | 45.50 | 13.7 | ↑ 42.86% |
| HAG | 8.98 | 10.40 | 1.4 | ↑ 15.81% |
| BFC | 20.20 | 23.20 | 3.0 | ↑ 14.85% |
| SZC | 38.00 | 43.25 | 5.3 | ↑ 13.82% |
| CIG | 6.00 | 6.82 | 0.8 | ↑ 13.67% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| NAP | 5.80 | 10.70 | 4.9 | ↑ 84.48% |
| BST | 14.20 | 17.80 | 3.6 | ↑ 25.35% |
| MCO | 3.60 | 4.50 | 0.9 | ↑ 25.00% |
| VDL | 10.80 | 13.50 | 2.7 | ↑ 25.00% |
| VE3 | 11.60 | 14.40 | 2.8 | ↑ 24.14% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

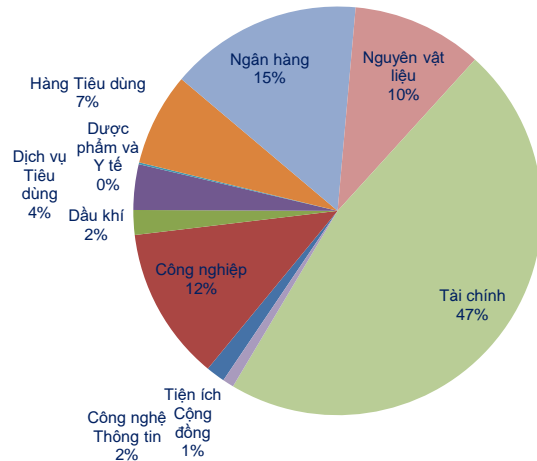
| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| SZL | 55.80 | 37.00 | -18.8 | ↓ -33.69% |
| SCD | 16.50 | 14.15 | -2.4 | ↓ -14.24% |
| PC1 | 30.20 | 25.90 | -4.3 | ↓ -14.24% |
| PMG | 9.90 | 8.90 | -1.0 | ↓ -10.10% |
| APC | 10.05 | 9.10 | -1.0 | ↓ -9.45% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| L43 | 5.20 | 3.90 | -1.3 | ↓ -25.00% |
| BXH | 19.80 | 15.00 | -4.8 | ↓ -24.24% |
| DAE | 19.00 | 14.60 | -4.4 | ↓ -23.16% |
| VTC | 12.70 | 10.20 | -2.5 | ↓ -19.69% |
| VNT | 64.90 | 52.70 | -12.2 | ↓ -18.80% |

(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|-------|-----|
| NVL | 246,110,736 | -1.4% | -309 | - | 0.8 |
| VIX | 242,334,868 | 8.2% | 1,005 | 15.9 | 1.2 |
| DIG | 162,495,390 | 1.4% | 182 | 136.2 | 1.9 |
| VND | 155,783,185 | 7.8% | 957 | 21.5 | 1.6 |
| HAG | 145,458,264 | 18.6% | 1,070 | 9.2 | 1.7 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 190,811,725 | 5.4% | 643 | 26.4 | 1.4 |
| CEO | 150,084,551 | 6.7% | 955 | 23.0 | 1.8 |
| HUT | 33,836,588 | 0.8% | 122 | 164.3 | 1.6 |
| PVS | 30,282,855 | 6.7% | 1,846 | 19.8 | 1.3 |
| MBS | 28,069,597 | 10.4% | 1,104 | 18.0 | 1.8 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| CLW | ↑ 42.9% | 22.0% | 4,328 | 10.2 | 2.2 |
| HAG | ↑ 15.8% | 18.6% | 1,070 | 9.2 | 1.7 |
| BFC | ↑ 14.9% | 10.1% | 2,246 | 9.8 | 1.0 |
| SZC | ↑ 13.8% | 12.5% | 1,670 | 24.2 | 2.9 |
| CIG | ↑ 13.7% | 2.6% | 133 | 51.2 | 1.3 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|--------|------|-----|
| NAP | ↑ 84.5% | 8.5% | 942 | 10.5 | 0.9 |
| BST | ↑ 25.4% | 14.2% | 1,895 | 8.6 | 1.2 |
| MCO | ↑ 25.0% | 0.4% | 52 | 79.4 | 0.3 |
| VDL | ↑ 25.0% | -14.2% | -1,839 | - | 1.1 |
| VE3 | ↑ 24.1% | -1.7% | -234 | - | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|-----------|-------|-------|------|-----|
| VND | 7,775,720 | 7.8% | 957 | 21.5 | 1.6 |
| SSI | 5,406,336 | 8.9% | 1,346 | 23.0 | 2.0 |
| FUEVFVND | 4,590,884 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| STB | 4,588,600 | 17.5% | 3,825 | 7.4 | 1.2 |
| NKG | 4,310,520 | -4.8% | -975 | - | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SHS | 293,130 | 5.4% | 643 | 26.4 | 1.4 |
| IDC | 222,311 | 17.0% | 3,177 | 15.0 | 2.8 |
| EVS | 90,000 | 5.9% | 688 | 12.5 | 0.7 |
| MBS | 80,045 | 10.4% | 1,104 | 18.0 | 1.8 |
| MBG | 45,125 | 2.6% | 283 | 14.8 | 0.4 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 477,867 | 22.6% | 6,013 | 14.2 | 3.0 |
| BID | 217,517 | 17.6% | 3,887 | 11.1 | 1.8 |
| GAS | 176,849 | 19.0% | 5,283 | 14.6 | 2.8 |
| VHM | 169,820 | 25.0% | 9,468 | 4.1 | 0.9 |
| VIC | 157,516 | 2.7% | 977 | 42.3 | 1.1 |

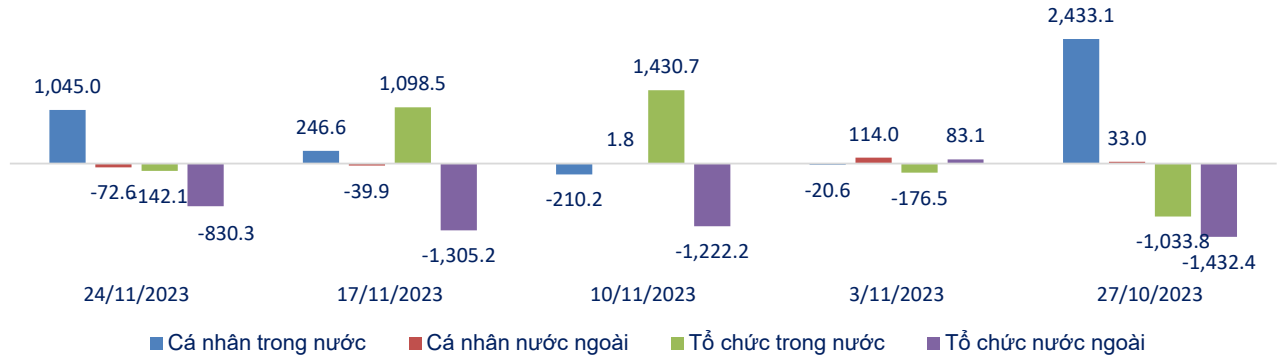
Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HUT | 17,850 | 0.8% | 122 | 164.3 | 1.6 |
| PVS | 17,446 | 6.7% | 1,846 | 19.8 | 1.3 |
| IDC | 15,774 | 17.0% | 3,177 | 15.0 | 2.8 |
| SHS | 13,824 | 5.4% | 643 | 26.4 | 1.4 |
| THD | 13,706 | 2.9% | 460 | 77.4 | 2.2 |



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | 751.08 | 9.7% | 1,506 | 12.7 | 1.0 |
| VHM | 376.91 | 25.0% | 9,468 | 4.1 | 0.9 |
| VNM | 248.16 | 24.4% | 4,029 | 17.0 | 4.2 |
| VRE | 227.72 | 11.8% | 1,818 | 12.4 | 1.4 |
| MSB | 171.70 | 17.2% | 2,471 | 5.2 | 0.8 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HDB | -312.20 | 20.7% | 2,926 | 6.2 | 1.2 |
| EVF | -196.16 | 9.0% | 1,062 | 15.1 | 1.3 |
| DGC | -179.42 | 29.7% | 9,010 | 10.3 | 2.8 |
| SSI | -109.19 | 8.9% | 1,346 | 23.0 | 2.0 |
| VND | -101.95 | 7.8% | 957 | 21.5 | 1.6 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| STB | 16.33 | 17.5% | 3,825 | 7.4 | 1.2 |
| VIX | 10.93 | 8.2% | 1,005 | 15.9 | 1.2 |
| PNJ | 4.09 | 19.8% | 5,505 | 14.7 | 2.8 |
| FRT | 3.31 | -7.8% | (1,103) | - | 7.6 |
| BMI | 2.68 | 0.0% | - | - | 1.0 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| SSI | -17.95 | 8.9% | 1,346 | 23.0 | 2.0 |
| MBB | -16.04 | 22.4% | 4,290 | 4.2 | 1.0 |
| HSG | -9.88 | 0.2% | 37 | 552.3 | 1.2 |
| TPB | -8.13 | 17.0% | 2,483 | 6.8 | 1.2 |
| AST | -4.92 | 20.5% | 2,316 | 22.1 | 4.1 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| HDB | 278.82 | 20.7% | 2,926 | 6.2 | 1.2 |
| FUESSVFL | 207.11 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| EVF | 178.34 | 9.0% | 1,062 | 15.1 | 1.3 |
| FPT | 84.18 | 22.3% | 4,815 | 18.9 | 4.1 |
| DCM | 61.83 | 15.3% | 3,050 | 10.2 | 1.7 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|-------|-----|
| STB | -230.45 | 17.5% | 3,825 | 7.4 | 1.2 |
| MSB | -176.31 | 17.2% | 2,471 | 5.2 | 0.8 |
| FUEVFNVD | -123.82 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| TCB | -121.61 | 14.2% | 4,864 | 6.2 | 0.8 |
| HSG | -100.15 | 0.2% | 37 | 552.3 | 1.2 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

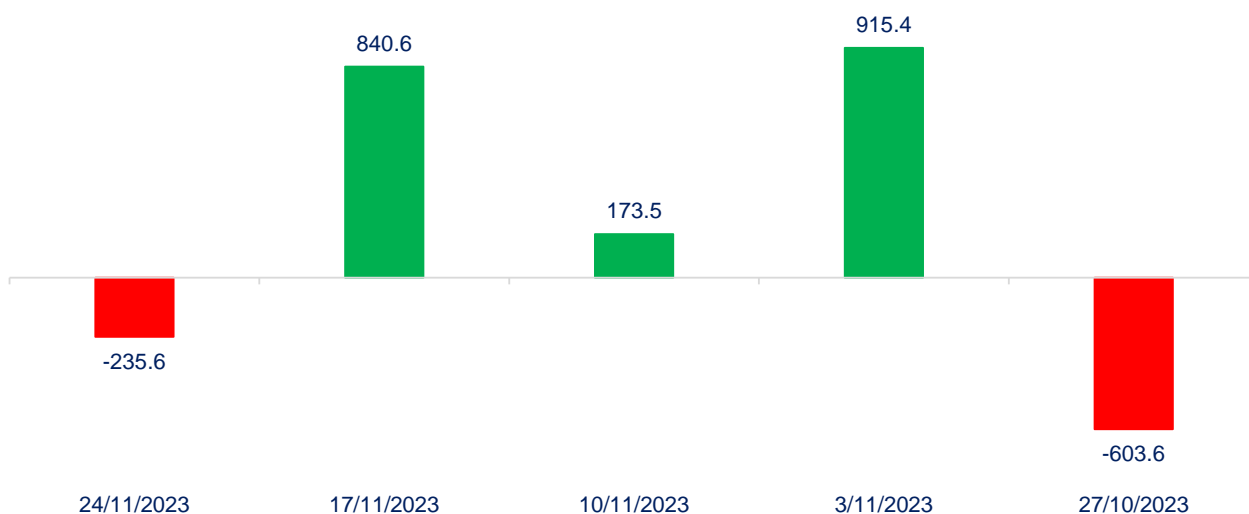
| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | 189.48 | 8.9% | 1,346 | 23.0 | 2.0 |
| DGC | 175.28 | 29.7% | 9,010 | 10.3 | 2.8 |
| VND | 170.07 | 7.8% | 957 | 21.5 | 1.6 |
| FUEVFNVD | 120.86 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| STB | 117.25 | 17.5% | 3,825 | 7.4 | 1.2 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

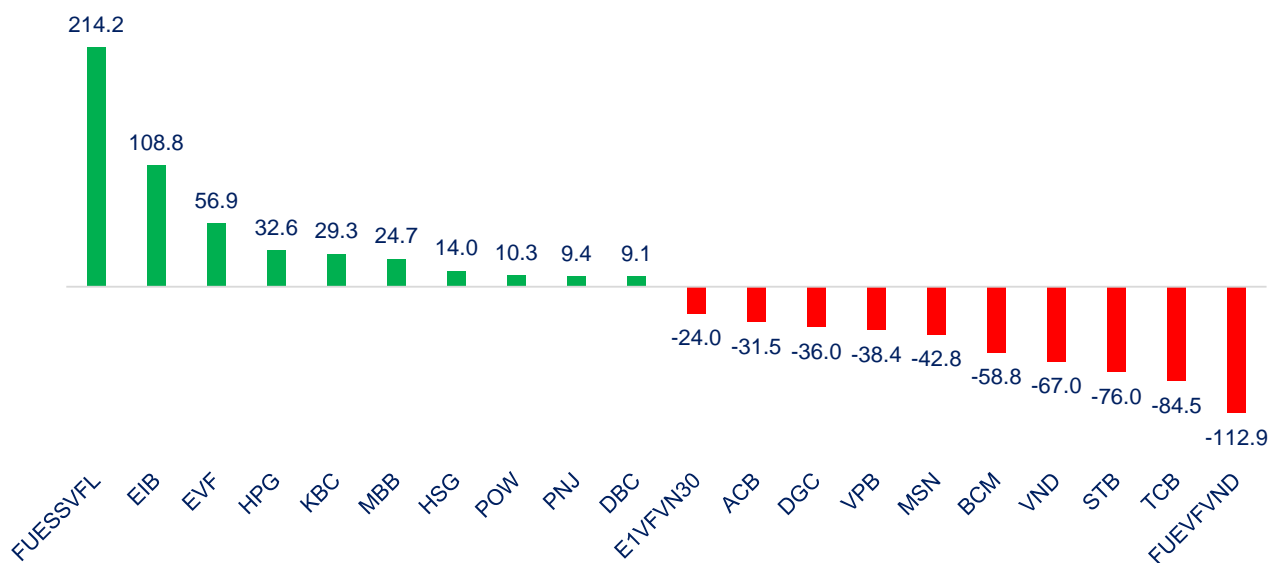
| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -730.67 | 9.7% | 1,506 | 12.7 | 1.0 |
| VHM | -329.43 | 25.0% | 9,468 | 4.1 | 0.9 |
| VNM | -237.23 | 24.4% | 4,029 | 17.0 | 4.2 |
| VRE | -228.04 | 11.8% | 1,818 | 12.4 | 1.4 |
| FUESSVFL | -204.10 | N/A | N/A | N/A | N/A |



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





| Ngày thông báo | Ngày thực hiện | Ngày ĐKCC | Ngày GDKHQ | Mã CK | Loại sự kiện |
|----------------|----------------|------------|------------|----------|---------------------------------|
| 11/8/2023 | 24/11/2023 | 24/10/2023 | 23/10/2023 | RTB | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17/10/2023 | 24/11/2023 | 25/10/2023 | 24/10/2023 | BAL | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 24/10/2023 | 24/11/2023 | 31/10/2023 | 30/10/2023 | DRG | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 27/10/2023 | 24/11/2023 | 14/11/2023 | 13/11/2023 | SC5 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6/11/2023 | 24/11/2023 | 10/11/2023 | 9/11/2023 | PMC | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10/10/2023 | 25/11/2023 | 25/10/2023 | 24/10/2023 | LBE | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 2/11/2023 | 25/11/2023 | 20/11/2023 | 17/11/2023 | EIB | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 26/11/2022 | 27/11/2023 | 24/11/2023 | 24/11/2023 | FCN | Niêm yết thêm |
| 18/10/2023 | 27/11/2023 | 8/11/2023 | 7/11/2023 | HT1 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 9/11/2023 | 27/11/2023 | 20/11/2023 | 17/11/2023 | IMP | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 25/10/2023 | 28/11/2023 | 6/11/2023 | 3/11/2023 | ABI | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24/10/2023 | 28/11/2023 | 30/10/2023 | 27/10/2023 | PSG | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 1/11/2023 | 28/11/2023 | 16/11/2023 | 15/11/2023 | CBS | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 13/11/2023 | 28/11/2023 | 20/11/2023 | 17/11/2023 | CHS | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4/1/2018 | 29/11/2023 | 9/1/2018 | 8/1/2018 | C12 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16/10/2023 | 29/11/2023 | 27/10/2023 | 26/10/2023 | HAT | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24/10/2023 | 29/11/2023 | 8/11/2023 | 7/11/2023 | PPE | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 25/10/2023 | 29/11/2023 | 31/10/2023 | 30/10/2023 | FUEKIV30 | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 23/10/2023 | 29/11/2023 | 27/10/2023 | 26/10/2023 | PVS | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 12/10/2023 | 30/11/2023 | 1/11/2023 | 31/10/2023 | MCF | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 13/10/2023 | 30/11/2023 | 1/11/2023 | 31/10/2023 | HAD | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 23/10/2023 | 30/11/2023 | 6/11/2023 | 3/11/2023 | AMP | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 20/10/2023 | 30/11/2023 | 6/11/2023 | 3/11/2023 | CAP | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 26/10/2023 | 30/11/2023 | 13/11/2023 | 10/11/2023 | KIP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6/11/2023 | 30/11/2023 | 15/11/2023 | 14/11/2023 | HAN | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2/11/2023 | 30/11/2023 | 15/11/2023 | 14/11/2023 | SBM | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3/11/2023 | 30/11/2023 | 21/11/2023 | 20/11/2023 | NBP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3/11/2023 | 30/11/2023 | 15/11/2023 | 14/11/2023 | IBD | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10/11/2023 | 30/11/2023 | 17/11/2023 | 16/11/2023 | PCC | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19/10/2023 | 1/12/2023 | 3/11/2023 | 2/11/2023 | FDC | Đại hội Cổ đông Bất thường |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
